令和 2 20018

ビル街地区 / 高度商業地区 / 繁華街地区 / 普通商業・併用住宅地区 / 中小工場地区 / 大工場地区 / 普通住宅地区

道路を中心として全地域 / 全地域 / 南側道路沿い / 全地域 / 北側道路沿い 南側全地域 / 南側全地域 / 無印は全地域

北側全地域 / 道路沿い / 南側全地域 / 北側全地域 南側道路沿い / 北側道路沿い / 北側全地域

記号	借地権割合
A	90%
B	80%
C	70%
D	60%

記号	借地権割合
E	50%
F	40%
G	30%

北 西 東 南

20013 / 20017 当図 20019 / 20023

港区（麻布署）

令和 2 20018

南青山３丁目 南青山４丁目 南青山５丁目 南青山６丁目 南青山２丁目 西麻布２丁目

都立青山霊園 立山墓地 区立青南小学校 根津美術館前 区立西麻布一丁目児童遊園 青山橋 外苑西通り 青山通り 青山墓地中央

1,600C 1,770C 2,430C 1,580C 2,060C 1,870C 1,970C 9,940B 2,240C 2,600C 5,520B 2,480C 4,030B 2,070C 2,240C 2,060C 2,060C 2,180C 1,410C 1,320C 1,310C 1,370C 1,200C 1,120C 1,100C 1,030C 1,030C 1,180C 2,330C 970C 1,390C 1,500C 970C 2,520C 1,390C 960C 3,780B 1,390C 1,390C 2,340C 1,510C 1,390C 1,510C 1,460C 2,370C 1,730C 2,110C 1,410C 1,040C 1,040C 1,350C 1,040C 1,030C 1,040C 1,020C 1,040C 2,110C 1,940C 1,310C 1,510C 3,970B 4,090B 3,080C 1,270C 780C 800C 780C 790C 760C 780C 1,260C 810C 910C 950C 1,020C 940C 940C 750C 880C 950C 920C 850C

南青山2丁目